

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỮU LŨNG
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2024/HS-ST

Ngày 11-3-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thảo Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Bích Hà

Ông Phạm Văn Xuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý Hoài – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 16/2024/TLST-HS, ngày 23 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2024/QĐXXST-HS, ngày 27 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo:

Trần Thị O (tên gọi khác: không có), sinh ngày 10 tháng 4 năm 1984 tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Nơi cư trú: Thôn S, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Đ (đã chết) và bà Lê Thị Th, sinh năm 1957; chồng, con: có chồng và 01 con; tiền án: không có; tiền sự: ngày 09/6/2023, Công an huyện H, tỉnh Lạng Sơn xử phạt vi phạm hành chính 6.500.000 đồng về hành vi gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, ngày 19/6/2023 chấp hành xong; nhân thân: ngày 18/8/2011 Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 04 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy tại Bản án số 111/2011/HSST; ngày 27/8/2014 chấp hành xong bản án; ngày 08/5/2015, Công an tỉnh Lạng Sơn xử phạt vi phạm hành chính 1.250.000 đồng về hành vi nhập cảnh về Việt Nam do sơ xuất làm mất hộ chiếu không thông báo ngay với cơ quan có thẩm quyền, ngày 11/5/2015 chấp hành xong; ngày 27/7/2017, Công an huyện H, tỉnh Lạng Sơn xử phạt vi phạm hành chính 2.500.000 đồng về hành vi gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, chấp hành xong cùng ngày; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/12/2023 đến ngày 11/01/2024 thay đổi bằng biện pháp bảo lãnh. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Phùng Thị H, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn B, xã Q, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.
2. Ông Triệu Quốc L, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn A, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.
3. Ông La Minh V, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn S, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị O quen biết với Triệu Quốc L, Phùng Thị H và La Minh V. O biết những người này có nhu cầu vay tiền nên nảy sinh ý định cho vay tiền với lãi suất cao để thu lợi bất chính. Trong khoảng thời gian từ tháng 11/2022 đến tháng 5/2023, Trần Thị O đã cho Triệu Quốc L, Phùng Thị H và La Minh V vay tiền với lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày (tương đương 182,5%/năm), trả lãi vào ngày trùng của tháng tiếp theo; việc vay, trả tiền lãi đều bằng tiền mặt và được O ghi chép vào sổ để theo dõi, cụ thể:

Ngày 05/11/2022, Trần Thị O cho Phùng Thị H vay 50.000.000 đồng, tính đến ngày 22/12/2023, tổng số tiền lãi H phải trả cho O là 103.000.000 đồng, số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự là 11.287.671 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 91.712.329 đồng. Trần Thị O đã thu tiền lãi đến ngày 05/12/2023 là 97.500.000 đồng, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 86.678.082 đồng.

Ngày 13/02/2023, O cho Triệu Quốc L vay 30.000.000 đồng, tính đến ngày 22/12/2023, tổng số tiền lãi L phải trả cho O là 46.800.000 đồng, số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự là 5.128.767 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 41.671.233 đồng. Trần Thị O đã thu tiền lãi đến ngày 13/12/2023 là 45.000.000 đồng, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 40.019.178 đồng.

Ngày 13/5/2023, O cho La Minh V vay 50.000.000 đồng, tính đến ngày 22/12/2023, tổng số tiền lãi V phải trả cho O là 55.750.000 đồng, số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự là 6.109.589 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 49.640.411 đồng. Trần Thị O đã thu tiền lãi đến ngày 13/12/2023 là 52.500.000 đồng, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 46.636.986 đồng.

Tính đến ngày bị phát hiện 22/12/2023, tất cả các khoản vay trên, người vay đều chưa thanh toán tiền gốc cho Trần Thị O. Như vậy, tổng số tiền Trần Thị O sử dụng cho Phùng Thị H, Triệu Quốc L và La Minh V vay là 130.000.000 đồng, tổng số tiền lãi người vay phải trả cho Trần Thị O tính đến ngày bị phát hiện 22/12/2023 là 205.550.000 đồng, trong đó số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự là 22.526.027 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 183.023.973 đồng. Tổng số tiền lãi O đã thu là 195.000.000 đồng, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 173.334.247 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 24/CT-VKS ngày 23 tháng 02 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Trần Thị O về tội

cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử bà Phùng Thị H, ông Triệu Quốc L, ông La Minh V đã trả lại toàn bộ số tiền gốc cho bị cáo và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt thể hiện: Bị cáo đã trả lại số tiền thu lợi bất chính nên ông, bà đều không có yêu cầu gì và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị O thừa nhận hành vi phạm tội và nhất trí với nội dung Cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: về tội danh, tuyên bố bị cáo Trần Thị O phạm tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự; về hình phạt, căn cứ khoản 2 Điều 201, các điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50, Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 03 tháng đến 05 tháng tù, được trừ đi thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/12/2023 đến ngày 11/01/2024; về biện pháp tư pháp, áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 5 Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021, của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: Tịch thu của bị cáo Trần Thị O số tiền gốc 130.000.000 đồng và số tiền lãi cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự là 21.665.753 đồng; về vật chứng, áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, trong có lắp sim thẻ nộp ngân sách Nhà nước; tịch thu tiêu hủy 01 chiếc bút bi nhãn màu trắng xanh, nhãn hiệu matixs, mực màu xanh. Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng, bị cáo đã biết hành vi của mình là trái pháp luật và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa không có ai có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Phùng Thị H, ông Triệu Quốc L, ông La Minh V đều vắng mặt. Tuy nhiên, lời khai của họ tại cơ quan điều tra đã được làm rõ và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên việc vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[3] Về tội danh: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Trần Thị O đã thừa nhận hành vi của mình. Xét lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở khẳng

định: Xuất phát từ động cơ tư lợi, muốn kiếm tiền bằng hình thức cho vay lãi suất cao nên từ ngày 05/11/2022 đến ngày 13/5/2023, bị cáo Trần Thị O đã cho 03 người trên địa bàn huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn vay với số tiền gốc là 130.000.000 đồng với lãi suất cao 182,5%/năm, số tiền thu lợi bất chính bị cáo sẽ được hưởng là 183.023.973 đồng. Do những người vay chưa đóng hết tiền lãi nên thực tế số tiền lãi bị cáo đã thu được là 195.000.000 đồng, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 173.334.247 đồng, tiền lãi cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 21.665.753 đồng. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, bị cáo nhận thức được việc cho vay lãi nặng bị pháp luật nghiêm cấm nhưng do muốn thu lợi bất chính nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện, hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng. Hành vi của bị cáo có thể làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn về kinh tế, là nguyên nhân làm phát sinh tội phạm và các tệ nạn xã hội khác, do đó cần phải xử lý nghiêm bị cáo.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân: Bị cáo không có tiền án, có 01 tiền sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là phụ nữ có thai; đã tự nguyện trả lại tiền thu lợi bất chính cho 03 người vay; có bố đẻ được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba và hiện bị cáo đang bị bệnh hiểm nghèo dẫn đến bệnh nhiễm trùng và ký sinh trùng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở nên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Xét thấy, trong thời gian gần đây tội phạm về hoạt động cho vay lãi nặng diễn biến hết sức phức tạp và có chiều hướng ngày càng gia tăng, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và các tình tiết cụ thể của vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo không có tiền án, tuy có 01 tình tiết tăng nặng nhưng có 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và nhiều tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Trách nhiệm bồi thường dân sự các bên đã giải quyết xong, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Bị cáo đủ điều kiện được áp dụng khoản 1 điều 54 Bộ luật Hình sự chuyển sang khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật để xem xét cho bị cáo khi lượng hình là phù hợp.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét cụ thể trường hợp của bị cáo không có tài sản riêng để đảm bảo thi hành hình phạt bổ sung vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều đã nhận lại số tiền thu lợi bất chính và không có yêu cầu gì thêm về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, trong có lắp sim là phương tiện phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách; đối với 01 chiếc bút bi màu trắng xanh, nhãn hiệu matixs, mực màu xanh là vật không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[10] Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 5 Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021, của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: Qua tranh tụng tại phiên tòa xác định được số tiền gốc bị cáo dùng để cho vay 130.000.000 đồng và tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã được nhận 21.665.753 đồng, đây là tài sản phát sinh do phạm tội mà có nên cần tịch thu các khoản tiền này để nộp ngân sách Nhà nước.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[12] Xét đề nghị luận tội của Kiểm sát viên về các vấn đề liên quan đến vụ án là có căn cứ, phù hợp với các nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[13] Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn luật định theo quy định tại khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 201; các điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 46; Điều 47, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 54 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 292; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 5 Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021, của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Thị O phạm tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Thị O 03 (ba) tháng tù, tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ đi thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/12/2023 đến ngày 11/01/2024.

3. Về biện pháp tư pháp: Tịch thu của bị cáo Trần Thị O số tiền gốc

130.000.000 đồng và số tiền lãi là 21.665.753 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, trong có lắp sim; tịch thu tiêu hủy 01 chiếc bút bi màu trắng xanh, nhãn hiệu matixs, mực màu xanh.

(Vật chứng hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, chi tiết được mô tả theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 26 tháng 02 năm 2024)

5. Về án phí: Bị cáo Trần Thị O phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm, để nộp ngân sách Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Hữu Lũng;
- Công an huyện Hữu Lũng;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THADS huyện Hữu Lũng;
- Bị cáo, Người TGTT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thảo Nguyên

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Xuân Hoàng Thị Bích Hà

Ngô Thảo Nguyên

